

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Ngô Bá Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2018 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/TB-HPT ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc D** - sinh năm 1988; Trú tại: đường NT, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Ngô Công D** - sinh năm 1983; Trú tại: đường HS, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2018 và bản tự khai đề ngày 15/6/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị Ngọc D trình bày:*

Bà và ông Phan Ngô Công D kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại đường HS, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp về quan điểm sống, bất đồng về tài chính, vợ chồng không có con chung. Tháng 12/2017, bà D đã dọn ra ở riêng tại đường NT, quận C, thành phố Đà Nẵng cho đến nay, vợ chồng không còn gặp gỡ hay có liên lạc gì với nhau.

Nay bà D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Ngô Công D.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng bị đơn là ông Phan Ngô Công D không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó ông D không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phan Ngô Công D cư trú tại quận Hải Châu. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Do đó, căn cứ Điều 21; khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định. Tại phiên tòa mở ngày 14/8/2018 đại diện Viện kiểm sát đã tham gia kiểm sát xét xử, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, vì lý do công tác, đại diện Viện kiểm sát không tham gia được và có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D và ông Phan Ngô Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa bà D và ông D phát sinh mâu thuẫn, theo như bà D trình bày thì nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có con chung. Từ tháng 12/2017 bà D đã dọn ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân, từ đó đến nay không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau, ông D cũng không có hành động gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, động viên vợ về cùng chung sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo mời lên hòa giải, động viên vợ chồng về cùng chung sống nhưng ông Phan Ngô Công D vẫn cố tình không đến

Tòa án và cũng không phản hồi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Điều này thể hiện quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, các bên đều không muốn níu kéo, hòa giải để cùng về đoàn tụ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn”.

[2.2] Về con chung: Theo đơn trình bày của bà D và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện vợ chồng không có con chung, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện, đơn trình bày của nguyên đơn thể hiện vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Dương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D được ly hôn với ông Phan Ngô Công D;

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00033xx ngày 18/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Bà D đã nộp đủ án phí*).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- UBND P. Thanh Bình, Q Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc